

ĐÀO TẠO LUẬT TRONG KỶ NGUYÊN SỐ: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHIẾN LƯỢC CHO VIỆT NAM

Phạm Hồng Hạnh¹
Email: hanh170286@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1017

Tóm tắt: Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và trí tuệ nhân tạo (AI) phát triển mạnh mẽ, hệ thống đào tạo luật trên thế giới đứng trước yêu cầu phải chuyển đổi sâu rộng để thích ứng với những thay đổi trong cấu trúc nghề luật, mô hình kinh doanh dịch vụ pháp lý và bộ kỹ năng mà thị trường lao động đòi hỏi. Bài báo này sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp tổng quan tài liệu và phân tích so sánh trường hợp điển hình đối với năm quốc gia tiên phong gồm Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Singapore, Canada và Úc. Trên cơ sở phân tích chiến lược quốc gia, mô hình tổ chức đào tạo và đổi mới chương trình ở các nước này, nghiên cứu nhận diện ba mô hình thích ứng chủ yếu với chuyển đổi số trong đào tạo luật (mô hình do thị trường dẫn dắt, mô hình nhà nước định hướng và mô hình đối tác công - tư hỗn hợp); đồng thời đề xuất một khung năng lực cốt lõi cho “luật sư hình chữ T” trong kỷ nguyên số. Từ đó, bài báo gợi mở bốn trụ cột cải cách hệ thống đào tạo luật Việt Nam, bao gồm: cải cách chương trình và phương pháp sư phạm; phát triển đội ngũ giảng viên và hạ tầng LegalTech; xây dựng hệ sinh thái LegalTech quốc gia mang tính hợp tác; và thiết kế lộ trình triển khai theo ba giai đoạn. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung luận cứ khoa học cho quá trình hoạch định chính sách và đổi mới chương trình đào tạo luật ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số.

Từ khóa: đào tạo luật, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ pháp lý

I. Đặt vấn đề

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với các công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn và điện toán đám mây đang làm thay đổi căn bản

mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Ngành luật, vốn được xem là bảo thủ và phụ thuộc nhiều vào tiền lệ, cũng không nằm ngoài xu thế đó. AI và các Công nghệ pháp lý (LegalTech) đã bắt đầu đảm nhận hàng loạt công việc lặp lại như tra

¹ Trường Đại học Luật Hà Nội

cứu pháp luật, rà soát hợp đồng, khám phá điện tử, phân tích dữ liệu vụ việc và hỗ trợ dự báo kết quả tranh tụng, qua đó tái cấu trúc chuỗi giá trị dịch vụ pháp lý và mô hình kinh doanh của các hãng luật.

Sự dịch chuyển nói trên đặt ra yêu cầu mới đối với hệ thống đào tạo luật. Các chương trình truyền thống vốn nặng về truyền thụ kiến thức lý thuyết, ít chú trọng kỹ năng nghề nghiệp và năng lực số đang bộc lộ khoảng cách ngày càng lớn so với nhu cầu của thị trường lao động pháp lý. Nếu không kịp thời cải cách, các cơ sở đào tạo luật sẽ khó có thể cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh chuyển đổi số.

Tại Việt Nam, chủ đề đào tạo luật trong kỷ nguyên số đang thu hút sự quan tâm ngày càng lớn của giới nghiên cứu và nhà trường. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện có chủ yếu dừng lại ở việc mô tả xu hướng hoặc đề xuất giải pháp ở tầm khuyến nghị, thiếu các phân tích so sánh hệ thống dựa trên kinh nghiệm quốc tế và khung lý thuyết rõ ràng về năng lực số của luật sư tương lai. Bài báo này nhằm trả lời các câu hỏi: (i) Các quốc gia đi trước đã cải cách hệ thống đào tạo luật như thế nào để thích ứng với chuyển đổi số và AI? (ii) Từ những kinh nghiệm đó, có thể rút ra những mô hình, khung năng lực và bài học chiến lược nào phù hợp với bối cảnh Việt Nam? Trả lời các câu hỏi này có ý nghĩa cả về lý luận lẫn thực tiễn trong thiết kế chính sách và chương trình đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay.

II. Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu

2.1. Tác động của AI và LegalTech đối với nghề luật

Các nghiên cứu gần đây cho thấy AI đang tác động đến nghề luật theo ít

nhất hai chiều hướng lớn. Thứ nhất, AI tự động hóa một dải rộng các tác vụ mang tính thủ tục như tra cứu án lệ, rà soát tài liệu, chuẩn hóa biểu mẫu hợp đồng, sàng lọc chứng cứ điện tử, vốn trước đây là công việc chủ yếu của luật sư tập sự và trợ lý pháp lý. Điều này làm “rỗng ruột” tầng nấc công việc ở trình độ thấp, buộc các hãng luật phải thiết kế lại mô hình đào tạo nội bộ và lộ trình thăng tiến nghề nghiệp (Law, 2025).

Thứ hai, AI đóng vai trò trợ lý thông minh giúp tăng cường năng lực phán đoán của luật sư. Các mô hình ngôn ngữ lớn có thể hỗ trợ phân tích bộ hồ sơ phức tạp, gợi ý cấu trúc lập luận, phát hiện rủi ro trong điều khoản hợp đồng và xây dựng bản nháp văn bản pháp lý trong thời gian ngắn (White, 2024). Nhờ đó, luật sư có nhiều thời gian hơn cho tư duy chiến lược, đàm phán và tương tác với khách hàng - những hoạt động mang tính sáng tạo và đòi hỏi phẩm chất con người cao hơn.

Tuy vậy, việc ứng dụng AI cũng kéo theo nhiều thách thức về trách nhiệm nghề nghiệp, rủi ro “ảo giác” (hallucination), thiên lệch thuật toán, bảo mật dữ liệu và bảo vệ bí mật khách hàng (Teiling, 2025). Đây là những vấn đề mới mà chương trình đào tạo luật không thể bỏ qua nếu muốn chuẩn bị cho sinh viên năng lực hành nghề an toàn, có trách nhiệm trong môi trường số.

2.2. Luật sư hình chữ T và khung năng lực số

Khái niệm “luật sư hình chữ T” được sử dụng rộng rãi để mô tả hình mẫu chuyên gia pháp lý trong kỷ nguyên số (Eliadi, 2025). Trục dọc của chữ T là kiến thức pháp lý nền tảng, khả năng lập luận, kỹ năng tranh tụng, soạn thảo và đạo đức nghề nghiệp. Trục ngang là các năng lực

bổ trợ về công nghệ, quản trị dữ liệu, tư duy thiết kế, kinh doanh và kỹ năng mềm.

Tổng hợp chương trình đào tạo tại các trường luật hàng đầu như Đại học Stanford, Đại học Georgetown, Đại học quốc gia Singapore, Đại học Toronto, Trường đại học Luật Đại học Melbourne cho thấy một mức độ đồng thuận về ba tầng năng lực cốt lõi. Tầng 1 là nền tảng pháp lý (luật thực định, kỹ năng viết và giao tiếp pháp lý, trách nhiệm nghề nghiệp). Tầng 2 là năng lực công nghệ ứng dụng (hiểu biết về AI và dữ liệu, sử dụng thành thạo các công cụ LegalTech, kiến thức cơ bản về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu, kỹ năng đặt câu lệnh hiệu quả cho AI tạo sinh). Tầng 3 là các kỹ năng con người nâng cao (tư duy chiến lược, giải quyết vấn đề phức tạp, hợp tác liên ngành, trí tuệ cảm xúc và khả năng học tập suốt đời).

Khung năng lực này gợi ý rằng cải cách đào tạo luật không chỉ đơn thuần là bổ sung một vài học phần về công nghệ, mà là tái thiết kế tổng thể để tích hợp năng lực số vào toàn bộ tiến trình đào tạo.

2.3. Tổng quan nghiên cứu về cải cách đào tạo luật

Trên thế giới, chủ đề chuyển đổi số trong đào tạo luật được tiếp cận theo nhiều hướng: tác động của AI đến chương trình và phương pháp giảng dạy; năng lực số tối thiểu của luật sư; thiết kế phòng thí nghiệm LegalTech và các mô hình học tập qua trải nghiệm; cũng như vai trò của chính sách quốc gia trong thúc đẩy đổi mới giáo dục pháp luật (Ziercke et al., 2020). Ở Việt Nam, các công trình chủ yếu tập trung vào việc đánh giá thực trạng đào tạo luật, phân tích tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 đến pháp luật và thị trường lao động, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất

lượng chương trình, tăng cường kỹ năng thực hành và hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, còn thiếu các nghiên cứu xây dựng khung so sánh có hệ thống giữa nhiều quốc gia tiên phong, chỉ ra các mô hình thích ứng khác nhau, đồng thời cụ thể hóa thành các trụ cột và lộ trình chính sách cho Việt Nam. Bài báo này nhằm bổ sung khoảng trống đó thông qua cách tiếp cận nghiên cứu trường hợp so sánh.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thiết kế theo hướng định tính, kết hợp tổng quan tài liệu với nghiên cứu trường hợp so sánh (comparative case study). Trọng tâm là phân tích chính sách và thực tiễn cải cách đào tạo luật tại năm quốc gia được lựa chọn gồm Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Singapore, Canada và Úc. Đây là những nước có hệ sinh thái LegalTech phát triển, đã triển khai các chương trình đào tạo luật gắn với công nghệ ở mức độ cao và có sự đa dạng về mô hình quản trị (từ thị trường dẫn dắt đến nhà nước định hướng).

3.2. Thu thập và xử lý dữ liệu

Dữ liệu nghiên cứu chủ yếu là tài liệu thứ cấp, bao gồm: (i) văn bản chính sách, chiến lược quốc gia về chuyển đổi số, AI và đổi mới giáo dục pháp luật; (ii) chương trình đào tạo, mô tả học phần và thông tin về các trung tâm, phòng thí nghiệm LegalTech tại một số trường luật tiêu biểu; (iii) các bài báo khoa học, báo cáo nghiên cứu và phân tích của tổ chức nghề nghiệp, hãng luật, tổ chức tư vấn quốc tế; (iv) các bài viết, tin tức chuyên ngành cập nhật về ứng dụng AI trong hoạt động pháp lý. Các tài liệu được khai thác chủ yếu từ cơ sở dữ liệu học thuật, trang web chính thức của cơ quan nhà nước,

trường đại học và tổ chức nghề nghiệp.

Phương pháp phân tích nội dung (content analysis) được sử dụng để mã hóa và trích xuất thông tin theo các nhóm chủ đề: vai trò và tầm nhìn của nhà nước; mức độ tham gia của thị trường và các tổ chức nghề nghiệp; đổi mới chương trình và phương pháp đào tạo; xây dựng năng lực số cho giảng viên và sinh viên; hình thành hệ sinh thái LegalTech. Trên cơ sở đó, nghiên cứu tiến hành so sánh ngang giữa các trường hợp để nhận diện mô hình, khung năng lực và các bài học phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kinh nghiệm cải cách đào tạo luật ở một số quốc gia

4.1.1. Hoa Kỳ: mô hình do thị trường dẫn dắt

Tại Hoa Kỳ, cải cách đào tạo luật chủ yếu do thị trường và các trường đại học tinh hoa dẫn dắt. Các trường luật như Stanford, Georgetown hay Miami tận dụng lợi thế vị trí địa lý gần các trung tâm công nghệ và chính sách để xây dựng chương trình gắn chặt với thực tiễn. Stanford phát triển mạnh các khóa học về luật tính toán, tin học pháp lý và giao dịch công nghệ cao; Georgetown mở rộng chương trình Thạc sĩ Luật và Chính sách công nghệ với hàng chục học phần về AI, dữ liệu, an ninh mạng; nhiều trường khác xây dựng phòng thí nghiệm AI & Law nhằm kết nối sinh viên với doanh nghiệp công nghệ và cơ

quan quản lý (Villasenor, 2023).

Chính phủ liên bang Hoa Kỳ chủ yếu đóng vai trò điều tiết (thông qua sắc lệnh hành pháp, hướng dẫn đạo đức nghề nghiệp về AI của Hiệp hội Luật sư Hoa Kỳ), trong khi động lực đổi mới đến từ cạnh tranh giữa các trường, áp lực từ hăng luật và nhu cầu của thị trường lao động pháp lý. Mô hình này tạo ra các “cực tăng trưởng” về đổi mới đào tạo, nhưng cũng dẫn đến khoảng cách lớn giữa các cơ sở đào tạo tinh hoa và phần còn lại của hệ thống (Bucher, 2025).

4.1.2. Vương quốc Anh: mô hình đối tác công - tư hỗn hợp

Vương quốc Anh thể hiện cách tiếp cận kết hợp giữa sáng kiến từ thị trường và sự hỗ trợ tích cực của nhà nước. Chính phủ triển khai chương trình LawtechUK, đầu tư sandbox cho các start-up LegalTech², số hóa hệ thống tòa án và thủ tục tố tụng. Các trường luật như Oxford, Cambridge, cùng một số cơ sở đào tạo khác nhanh chóng đưa vào giảng dạy các học phần về AI và tương lai dịch vụ pháp lý, luật dữ liệu, luật an ninh mạng, thiết kế dịch vụ pháp lý.

Đồng thời, Hiệp hội Luật sư và các tổ chức nghề nghiệp ban hành nhiều tài liệu hướng dẫn, khuyến khích luật sư khai thác AI một cách có trách nhiệm. Sự phối hợp tương đối nhịp nhàng giữa nhà nước, trường đại học và giới hành nghề giúp Anh trở thành một trong những trung tâm LegalTech hàng đầu châu Âu (Khan, 2025).

² Chương trình LawtechUK (LawtechUK Programme) là một sáng kiến được chính phủ Anh hỗ trợ, nhằm thúc đẩy sự phát triển của công nghệ pháp lý (legal tech) tại Vương quốc Anh bằng cách cung cấp các chương trình giáo dục miễn phí (như Lawtech Scaler, Lawtech Fundamentals) và hỗ trợ các công ty khởi nghiệp trong lĩnh vực luật, giúp họ chuyển đổi số ngành luật, đổi mới sáng tạo và mở rộng thị trường, theo LawtechUK và LawtechUK, trong khi “Lawtech” (Công nghệ pháp lý) nói chung là việc áp dụng công nghệ vào các dịch vụ pháp lý

4.1.3. Singapore: mô hình nhà nước định hướng

Singapore nổi bật với chiến lược “dự án quốc gia” về LegalTech và AI. Bộ Pháp luật cùng các cơ quan chuyên trách xây dựng Lộ trình Công nghệ và Đổi mới ngành luật, Kế hoạch số hóa ngành luật và Chiến lược AI quốc gia 2.0. Các văn bản này đặt ra mục tiêu, lộ trình và giải pháp cụ thể cho toàn ngành, từ tòa án, hãng luật đến cơ sở đào tạo.

Trên phương diện giáo dục, Đại học Quốc gia Singapore (NUS) thành lập Trung tâm Công nghệ, Robot, Trí tuệ nhân tạo và Luật; triển khai các chương trình LL.M. và học phần chuyên sâu về luật công nghệ, FinTech, sở hữu trí tuệ, đồng thời tích hợp một số nội dung lập trình cơ bản cho sinh viên luật. Học viện Luật Singapore phát triển các công cụ đào tạo sử dụng GenAI dành cho luật sư trẻ. Cách tiếp cận từ trên xuống với cam kết mạnh mẽ của nhà nước giúp Singapore đi nhanh và có tính đồng bộ cao (Ravikrishnan, 2024).

4.1.4. Canada và Úc: nhấn mạnh năng lực số và khung pháp lý an toàn

Tại Canada, chiến lược chuyển đổi số của Bộ Tư pháp liên bang và Chiến

lược tài năng số quốc gia đặt trọng tâm vào xây dựng năng lực số cho đội ngũ công chức và hệ thống pháp luật. Các trường như Đại học Toronto thiết lập phòng thí nghiệm “Future of Law Lab”³, mở chương trình Thạc sĩ chuyên nghiệp về đổi mới, luật và công nghệ. Một số tỉnh bang ban hành chiến lược học tập số sau trung học, khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học - trong đó có trường luật - ứng dụng công nghệ giáo dục và thiết kế các khóa học trực tuyến chất lượng cao.

Ở Úc, chính phủ đặc biệt chú trọng khía cạnh pháp lý và đạo đức của AI, ban hành hướng dẫn sử dụng AI tạo sinh trong khu vực công, rà soát luật bản quyền và quyền riêng tư. Trường đại học Luật Đại học Melbourne phát triển chuyên ngành “Luật số và đổi mới công nghệ”, tổ chức học phần “Law Apps” (Ứng dụng Luật)⁴ nơi sinh viên xây dựng hệ chuyên gia pháp lý phục vụ cộng đồng, đồng thời khuyến khích tham gia các cuộc thi đổi mới toàn cầu. Cách tiếp cận này giúp cân bằng giữa thúc đẩy sáng tạo và bảo đảm an toàn pháp lý.

4.2. Các mô hình thích ứng chủ yếu ở cấp quốc gia

Tổng hợp kinh nghiệm năm quốc gia cho thấy có thể phân loại ba mô hình

³ Future of Law Lab (Phòng thí nghiệm Tương lai của Luật) tại Đại học Toronto là một trung tâm đổi mới, kết nối sinh viên, học giả, luật sư và các chuyên gia để khám phá sự giao thoa giữa luật pháp, công nghệ, đổi mới và khởi nghiệp. Nơi đây tập trung vào học tập trải nghiệm, nghiên cứu, phát triển chính sách, tạo điều kiện để mọi người hiểu rõ sự thay đổi của ngành luật, từ AI, quyền riêng tư, công nghệ tài chính đến tiếp cận công lý, trang bị kỹ năng thực tiễn thông qua hội thảo, mô phỏng tình huống và cơ hội thực tập độc đáo.

⁴ Trong chương trình Ứng dụng Pháp luật, sinh viên học cách thiết kế, xây dựng và phát hành các ứng dụng và chatbot cung cấp thông tin pháp lý phù hợp với tình huống của người dùng. Các ứng dụng và chatbot sử dụng quy trình suy luận và ra quyết định mô phỏng quá trình phân tích mà luật sư áp dụng cho các vấn đề tương tự. Sinh viên có cơ hội làm việc với các vấn đề do các tổ chức bên ngoài đưa ra và trình bày ý tưởng nghiên cứu để tìm giải pháp công nghệ hỗ trợ giải quyết các vấn đề đó. Chương trình thực hành Ứng dụng Pháp luật được thiết kế nhằm chuẩn bị cho sinh viên môi trường sau khi tốt nghiệp trường luật: sinh viên làm việc theo nhóm, bám sát nhu cầu của khách hàng để thiết kế và xây dựng các giải pháp giúp người dùng dễ dàng hơn.

thích ứng chính với chuyển đổi số trong đào tạo luật. Thứ nhất, mô hình do thị trường dẫn dắt (Hoa Kỳ) dựa trên cạnh tranh giữa các trường luật tinh hoa và sức ép từ hãng luật, tạo ra môi trường đổi mới mạnh mẽ nhưng tiềm ẩn bất bình đẳng giữa các cơ sở đào tạo. Thứ hai, mô hình nhà nước định hướng (Singapore) sử dụng chiến lược quốc gia, đầu tư công và điều phối liên ngành để triển khai nhanh và đồng bộ, song có nguy cơ cứng nhắc nếu thiếu không gian cho sáng kiến từ cơ sở. Thứ ba, mô hình đối tác công - tư hỗn hợp (Anh, Canada, Úc) tìm cách cân bằng giữa vai trò dẫn dắt của nhà nước, tính linh hoạt của thị trường và tiếng nói của các tổ chức nghề nghiệp.

Điểm chung quan trọng của cả ba mô hình là đều dựa trên nền tảng chuyển đổi số rộng hơn của quốc gia: hạ tầng số, khung pháp lý về dữ liệu và AI, năng lực số của khu vực công, niềm tin của xã hội đối với các hệ thống số. Điều này hàm ý rằng cải cách đào tạo luật không thể tách rời chiến lược chuyển đổi số quốc gia.

4.3. Khung năng lực cốt lõi và định hướng chương trình đào tạo luật

Phân tích chương trình đào tạo tại các trường luật tiêu biểu cho thấy sự hội tụ quanh một khung chương trình gồm: (i) các môn luật cơ bản vẫn giữ vai trò trung tâm nhưng được giảng dạy trong bối cảnh tác động của công nghệ; (ii) một cụm học phần chuyên sâu về luật và quản trị công nghệ (AI và luật, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số, quy định về nền tảng số); (iii)

các mô-đun kỹ năng thực hành và học tập qua trải nghiệm như phòng khám pháp lý ứng dụng công nghệ, khóa học phát triển ứng dụng luật, hackathon LegalTech⁵; (iv) các cơ hội học tập liên ngành với sinh viên công nghệ thông tin, kinh tế, kinh doanh (Jones & Smith, 2025).

Khung năng lực ba tầng của “luật sư hình chữ T” được cụ thể hóa trong chương trình thông qua việc lồng ghép kết quả học tập (learning outcomes) về năng lực số và kỹ năng mềm vào từng học phần, thay vì chỉ dừng lại ở các khóa kỹ năng rời rạc. Đây là gợi ý quan trọng cho việc tái thiết kế chương trình đào tạo luật ở Việt Nam.

4.4. Thách thức chung trong cải cách đào tạo luật

Mặc dù đã đạt nhiều kết quả, các quốc gia nghiên cứu vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Thứ nhất, khoảng trống năng lực số của đội ngũ giảng viên luật là rào cản không nhỏ. Nhiều giảng viên chưa quen với công cụ LegalTech, thiếu tự tin giảng dạy nội dung liên ngành, dẫn đến tâm lý e ngại đổi mới. Thứ hai, hạn chế về nguồn lực tài chính và hạ tầng (phòng thí nghiệm AI, phần mềm bản quyền) khiến việc triển khai các học phần thực hành gặp khó khăn. Thứ ba, một số quy định kiểm định và chuẩn đầu ra truyền thống còn cứng nhắc, chưa kịp thời cập nhật để công nhận năng lực công nghệ là thành phần cốt lõi trong chuẩn năng lực của cử nhân luật.

Các nước giải quyết vấn đề này thông qua các chương trình bồi dưỡng giảng viên quy mô quốc gia, khuyến khích hợp tác liên khoa trong nội bộ trường đại

⁵ Hackathon LegalTech là sự kiện chuyên biệt nơi các chuyên gia luật, lập trình viên, nhà phân tích kinh doanh và thiết kế hợp tác trong thời gian ngắn (thường 24-48 giờ) để phát triển nhanh các giải pháp công nghệ (ứng dụng, nền tảng) giải quyết các thách thức cụ thể trong lĩnh vực pháp lý, nhằm đổi mới và cải thiện ngành luật thông qua công nghệ.

học, tăng cường hợp tác công - tư để huy động nguồn lực, đồng thời điều chỉnh chuẩn kiểm định theo hướng linh hoạt hơn và coi năng lực số là yêu cầu bắt buộc.

V. Gợi mở chiến lược cho Việt Nam

5.1. Bối cảnh và vấn đề đặt ra đối với hệ thống đào tạo luật Việt Nam

Ở Việt Nam, đào tạo luật lâu nay thường bị phê phán là nặng về lý thuyết, chương trình ít gắn kết với nhu cầu thực tiễn của tòa án, cơ quan quản lý và thị trường dịch vụ pháp lý. Sự chênh lệch về chất lượng giữa các cơ sở đào tạo còn lớn; kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm và năng lực ngoại ngữ, công nghệ của sinh viên tốt nghiệp nhìn chung còn hạn chế. Trong khi đó, Cách mạng công nghiệp 4.0 và xu thế ứng dụng AI, LegalTech trong xét xử, quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ pháp lý đang diễn ra nhanh chóng.

Điều này tạo nên một “khoảng trống kép”: vừa thiếu hụt nhân lực pháp lý chất lượng cao nói chung, vừa thiếu nghiêm trọng những chuyên gia pháp lý am hiểu công nghệ. Tuy vậy, đây cũng là cơ hội để Việt Nam “đi tắt đón đầu”, không phải cải cách một hệ thống đã quá ổn định mà có thể thiết kế ngay từ đầu một mô hình đào tạo luật tích hợp số, học hỏi có chọn lọc từ kinh nghiệm quốc tế.

5.2. Trụ cột 1 - Cải cách chương trình và phương pháp sư phạm

Thứ nhất, cần tích hợp một “trục xương sống kỹ thuật số” xuyên suốt chương trình đào tạo cử nhân luật. Thay vì chỉ có một hai học phần tự chọn về công nghệ, nên lồng ghép nội dung liên quan đến chuyển đổi số, AI và dữ liệu vào các môn luật cơ bản: hợp đồng gắn với hợp đồng thông minh, hình sự gắn với tội phạm mạng, hiến pháp gắn với quyền kỹ

thuật số, tố tụng gắn với chứng cứ điện tử, v.v..

Thứ hai, xây dựng các luồng tự chọn chuyên sâu cho sinh viên năm cuối về luật và công nghệ (AI, FinTech, dữ liệu và quyền riêng tư, an ninh mạng, sở hữu trí tuệ trong môi trường số), tạo điều kiện hình thành đội ngũ chuyên gia pháp lý công nghệ trong tương lai. Thứ ba, bắt buộc mỗi sinh viên hoàn thành ít nhất một học phần học tập qua trải nghiệm có ứng dụng công nghệ trước khi tốt nghiệp, chẳng hạn tham gia phòng khám LegalTech, phát triển ứng dụng luật phục vụ cộng đồng hoặc tham gia các cuộc thi hackathon pháp lý.

5.3. Trụ cột 2 - Phát triển đội ngũ giảng viên và hạ tầng LegalTech

Phát triển đội ngũ giảng viên “sẵn sàng cho LegalTech” là điều kiện tiên quyết. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp và các trường luật cần phối hợp xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực số cho giảng viên trên quy mô quốc gia, kết hợp đào tạo trực tuyến và tập huấn chuyên sâu theo chủ đề (AI và dữ liệu, phương pháp dạy học tích cực, thiết kế học phần liên ngành). Cần khuyến khích mạnh mẽ hợp tác liên khoa giữa khoa Luật với khoa Công nghệ thông tin, Kinh tế, Quản trị kinh doanh trong xây dựng chương trình và đồng giảng dạy.

Song song, cần đầu tư từng bước cho hạ tầng LegalTech trong trường luật: phòng thí nghiệm mô phỏng phòng xử án điện tử, bộ công cụ tra cứu pháp luật trực tuyến, phần mềm quản lý hồ sơ, mô phỏng trợ lý pháp lý AI. Việc huy động nguồn lực thông qua hợp tác với doanh nghiệp công nghệ, hãng luật và tổ chức quốc tế có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh ngân sách nhà nước còn hạn chế.

5.4. Trụ cột 3 - Xây dựng hệ sinh thái LegalTech quốc gia hợp tác

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy một hệ sinh thái LegalTech năng động cần có sự tham gia của nhà nước, tòa án, đoàn luật sư, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ và các tổ chức xã hội. Đối với Việt Nam, cần sớm xây dựng Lộ trình LegalTech quốc gia, xác định rõ vai trò, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể. Các trường luật nên trở thành “nút kết nối” trong hệ sinh thái này thông qua các hoạt động nghiên cứu - phát triển, ươm tạo start-up LegalTech, tổ chức sự kiện, diễn đàn đối thoại chính sách.

Bên cạnh đó, có thể nghiên cứu triển khai “hộp cát” pháp lý cho các sáng kiến LegalTech, cho phép thử nghiệm mô hình cung cấp dịch vụ pháp lý mới dưới sự giám sát của cơ quan quản lý và đoàn luật sư. Điều này vừa tạo không gian sáng tạo, vừa hạn chế rủi ro cho người sử dụng dịch vụ.

5.5. Trụ cột 4 - Lộ trình triển khai nhiều giai đoạn

Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm các nước, có thể đề xuất lộ trình ba giai đoạn cho cải cách đào tạo luật ở Việt Nam. Giai đoạn 1 (1-2 năm) tập trung thiết lập nền tảng: rà soát chương trình hiện hành, xây dựng khung năng lực số cho cử nhân luật, thí điểm một số học phần mới tại các trường luật chủ chốt, thành lập ban chỉ đạo liên ngành. Giai đoạn 2 (3-5 năm) đẩy mạnh mở rộng và tích hợp: triển khai chương trình bồi dưỡng giảng viên trên diện rộng, nhân rộng các mô hình học tập qua trải nghiệm, thành lập một số phòng thí nghiệm “Tương lai của luật” tại các trung tâm đào tạo lớn, thúc đẩy hợp tác với doanh nghiệp và tổ chức quốc tế.

Giai đoạn 3 (5-10 năm) hướng tới

trưởng thành và cạnh tranh khu vực: liên tục cập nhật chương trình theo diễn biến công nghệ và thị trường, phát triển các chương trình sau đại học chuyên sâu về luật và công nghệ, hình thành hệ sinh thái start-up LegalTech đủ sức cạnh tranh ở ASEAN, đồng thời tích cực tham gia mạng lưới nghiên cứu và đào tạo luật quốc tế.

VI. Kết luận và kiến nghị

Bài báo đã phân tích bối cảnh chuyển đổi số và AI đang tái định hình nghề luật trên phạm vi toàn cầu, tổng hợp kinh nghiệm cải cách đào tạo luật tại năm quốc gia tiên phong, từ đó nhận diện ba mô hình thích ứng chủ yếu và khung năng lực cốt lõi của luật sư trong kỷ nguyên số. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất bốn trụ cột cải cách hệ thống đào tạo luật Việt Nam cùng một lộ trình triển khai theo ba giai đoạn.

Về mặt lý luận, nghiên cứu góp phần làm rõ cách tiếp cận “luật sư hình chữ T” và khẳng định rằng năng lực số không phải là phần phụ mà là cấu phần thiết yếu của chuẩn đầu ra cử nhân luật. Về mặt thực tiễn, các gợi ý chính sách và giải pháp cụ thể có thể hỗ trợ các nhà quản lý giáo dục, lãnh đạo trường luật và đoàn luật sư trong việc hoạch định chiến lược, thiết kế chương trình và tổ chức triển khai hoạt động đào tạo, bồi dưỡng trong giai đoạn tới.

Trong tương lai, cần có thêm các nghiên cứu định lượng về nhu cầu kỹ năng cụ thể của thị trường lao động pháp lý Việt Nam, cũng như các nghiên cứu thực chứng đánh giá tác động của những mô hình thí điểm đào tạo luật gắn với công nghệ tại các cơ sở đào tạo trong nước. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để tiếp tục tinh chỉnh khung năng lực và hoàn thiện chính sách đào tạo luật trong bối cảnh chuyển đổi số.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bucher, A. (2025). Navigating the Power of Artificial Intelligence in the Legal Field. *Hou. L. Rev.*, 62(4). <https://houstonlawreview.org/article/137782-navigating-the-power-of-artificial-intelligence-in-the-legal-field>
- [2]. Bussewitz, C. (2025, October 30). *Mistake-filled legal briefs show the limits of relying on AI tools at work*. Associated Press. <https://apnews.com/article/artificial-intelligence-tools-work-errors-skills-fddcd0a5c86c20a4748dc65ba38f77fa>
- [3]. Couture, R. J. (2025, February 24). *The impact of artificial intelligence on law firms' business models*. Harvard Law School Center on the Legal Profession. <https://clp.law.harvard.edu/knowledge-hub/insights/the-impact-of-artificial-intelligence-on-law-law-firms-business-models/>
- [4]. Eliadi, M. (2025). *The T-Shaped Lawyer: A New Model for Corporate Legal Excellence*. <https://www.axiomlaw.com/blog/t-shaped-lawyer-model-for-corporate-legal-excellence#:~:text=A%20T%2Dshaped%20lawyer%20is,legal%20department%2C%22%20Connor%20explains.>
- [5]. Halliwell, D., & McGlinchey, M. (2024, November 8). *Artificial intelligence taking growing role in legal sector*. Pinsent Masons. <https://www.pinsentmasons.com/out-law/analysis/artificial-intelligence-growing-role-legal-sector>
- [6]. Jones, K., & Smith, J. (2025). Legal tech education in the age of transformation: Insights ahead of ILTA EVOLVE 2025. ILTA's EVOLVE 2025 conference,
- [7]. Khan, T. (2025). *The Impact of AI on the UK Legal Landscape: Opportunities, Challenges, and Regulatory Perspectives*. <https://thebarristergroup.co.uk/blog/the-impact-of-ai-on-the-uk-legal-landscape>
- [8]. Kharitonova, Y., & Sannikova, L. (2022). *Digital transformation of legal education*. *Medicine, Law & Society*, 15(1), 47-72. <https://doi.org/10.18690/mls.15.1.47-72.2022>
- [9]. Law, S. o. (2025). *The Impact of AI on the Legal Industry*. <https://www.qmul.ac.uk/law/undergraduate/student-life/blog/items/the-impact-of-ai-on-the-legal-industry.html>
- [10]. Ravikrishnan, A. (2024). *AI and The Future Of Law*. <https://sal.org.sg/articles/ai-and-the-future-of-law/>
- [11]. Teiling, A. V. (2025). *Will AI Render Lawyers Obsolete?* <https://nysba.org/will-ai-render-lawyers-obsolete/>
- [12]. Villasenor, J. (2023). *How AI will revolutionize the practice of law*. <https://www.brookings.edu/articles/how-ai-will-revolutionize-the-practice-of-law/>
- [13]. White, S. (2024). *How AI is reshaping the future of legal practice*. <https://www.lawsociety.org.uk/topics/ai-and-lawtech/partner-content/how-ai-is-reshaping-the-future-of-legal-practice>
- [14]. Ziercke, E., Hartung, D., & Hohenstatt, K.-S. (2020). What Does the Digital Revolution Mean for Legal Education? In K. Jacob, D. Schindler, & R. Strathausen (Eds.), *Liquid Legal: Towards a Common Legal Platform* (pp. 513-535). Springer International Publishing. https://doi.org/10.1007/978-3-030-48266-4_25

LEGAL EDUCATION IN THE DIGITAL ERA: INTERNATIONAL EXPERIENCES AND STRATEGIC LESSONS FOR VIETNAM

Pham Hong Hanh¹

Abstract: *In the context of the Fourth Industrial Revolution and the rapid development of artificial intelligence (AI), legal education systems worldwide are under pressure to undertake profound transformation so as to adapt to changes in the structure of legal work, business models of legal services and the skills required by the labour market. This article adopts a qualitative research design, combining literature review with comparative case study of five pioneering jurisdictions: the United States, the United Kingdom, Singapore, Canada and Australia. By analysing national strategies, institutional arrangements and curricular innovations in these countries, the study identifies three main models of adaptation to digital transformation in legal education (market-driven, state-led and hybrid public-private partnership models), and proposes a core competency framework for “T-shaped lawyers” in the digital age. Building on these findings, the article formulates four strategic pillars for reforming Vietnam’s legal education, namely: curriculum and pedagogical reform; development of tech-ready academic staff and LegalTech infrastructure; promotion of a collaborative national LegalTech ecosystem; and design of a three-phase implementation roadmap. The study provides additional conceptual and practical foundations for policy-making and curriculum innovation in Vietnam’s legal education in the context of digital transformation.*

Keywords: *legal education, digital transformation, artificial intelligence, LegalTech*

¹ Hanoi Law University